

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023**

**I. Thông tin chung**

1. Tên đơn vị đào tạo: Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật
2. Mã trường: CDT 1202
3. Địa chỉ trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): Tổ 8, phường Thịnh Đán, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo: <http://tec.tnu.edu.vn>.
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của đơn vị đào tạo (có thông tin tuyển sinh):  
<https://www.facebook.com/Tuyensinhcaodangkinhtekythuatthainguyen>
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0915 212 959
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo: <http://tec.tnu.edu.vn>.

- Nhà trường ký kết bản ghi nhớ hợp tác với hơn 40 doanh nghiệp trong nước như: Công Ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên; Công ty TNHH Samsung Electro - Mechanics Việt Nam (SEMV), Công ty Toyota, Công ty Vinfast ... để thực tập trải nghiệm, thực tập tốt nghiệp và giới thiệu tuyển dụng; nhằm tăng cường công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HSSV để nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động.

- Hàng năm Nhà trường đã khảo sát ý kiến của 15 doanh nghiệp về chương trình đào tạo, nhu cầu tuyển dụng hàng năm để tư vấn cho HSSV cuối khóa. Lập sổ theo dõi công tác khảo sát việc làm của HSSV sau tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm đạt trên 95% tất cả các ngành nghề.

- Công tác khảo việc làm đối với HSSV K13CĐ là 95%, K14CĐ là 100% và K15CĐ là 98,4%.

- Mỗi năm tổ chức ít nhất 02 đợt khảo sát ý kiến với 30 nhà tuyển dụng về năng lực lao động của HSSV nhà trường sau tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng.

- Phối hợp cùng Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức các buổi bồi dưỡng kiến thức pháp luật về việc làm, lao động, kỹ năng làm việc cho sinh viên chuẩn bị tham gia thị trường lao động với 250 HSSV, 04 doanh nghiệp tham gia.



- Tổ chức định kỳ chương trình tư vấn việc làm và du học tại Nhật Bản và Đài Loan cho HSSV cuối khóa.

- Phối hợp cùng công ty SEMV tổ chức thi tuyển dụng kỹ thuật viên cho HSSV trước khi ra trường (mỗi năm 2 đợt).

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỉ lệ % sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm
<b>I. Khối Điện</b>					
1. Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	Cao đẳng	200	187	117	95
2. Điện công nghiệp	Cao đẳng	50	19	16	92
3. Điện dân dụng	Cao đẳng	50	0	0	
<b>II. Khối cơ khí</b>					
1. Công nghệ Ô tô	Cao đẳng	50	28	18	90
2. Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng	50	21	15	93
3. Cắt gọt kim loại	Cao đẳng	20	0	0	
4. Nguội sửa chữa máy công cụ	Cao đẳng	50	0	0	
5. Hàn	Cao đẳng	30	0	0	
<b>III. Khối Cơ bản</b>					
1. Tiếng Hàn quốc	Cao đẳng	200	201	157	85
2. Tiếng Anh	Cao đẳng	50	0	0	
<b>IV. Khối Kinh tế &amp; QTKD</b>					
1. Kế toán	Cao đẳng	50	43	38	90
2. Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	50	0	0	
3. Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	30	0	0	
4. Tài chính - Ngân hàng	Cao đẳng	20	0	0	

<b>V. Khối Công nghệ thông tin</b>					
1. Công nghệ thông tin	Cao đẳng	30	19	15	90
2. Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	Cao đẳng	50	50	0	
3. Tin học văn phòng	Cao đẳng	50	0	0	
<b>VI. Khối Kỹ thuật Nông - Lâm</b>					
1. Quản lý đất đai	Cao đẳng	20	0	0	
2. Quản lý tài nguyên và môi trường	Cao đẳng	20	0	0	
3. Thú y	Cao đẳng	30	0	0	
4. Khoa học cây trồng	Cao đẳng	30	0	0	
5. Trồng cây ăn quả	Cao đẳng	30	0	0	
6. Bảo vệ thực vật	Cao đẳng	20	0	0	
7. Đo đạc địa chính	Cao đẳng	20	0	0	
<b>Tổng</b>		<b>1200</b>	<b>518</b>	<b>376</b>	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 02 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 02 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo: <http://tec.tnu.edu.vn>.

8.1. Phương thức tuyển sinh của 02 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Phương thức xét tuyển năm 2021: Xét tuyển

Phương thức xét tuyển năm 2022: Xét tuyển

8.2. Điểm trúng tuyển của 02 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Khối Khoa học cơ bản	Xét tuyển	130	154	TN THPT	150	131	TN THPT
2.	Khối Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Xét tuyển	80	69	TN THPT	80	55	TN THPT
3.	Khối Kỹ thuật	Xét tuyển	130	08	TN THPT	130	0	TN THPT

	Nông lâm							
4.	Khối Điện	Xét tuyển	230	466	TN THPT	310	497	TN THPT
5.	Khối Cơ Khí	Xét tuyển	120	110	TN THPT	120	155	TN THPT
6.	Khối Công nghệ thông tin	Xét tuyển	110	60	TN THPT	110	85	TN THPT
	<b>Tổng</b>		<b>800</b>	<b>859</b>		<b>900</b>	<b>923</b>	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo:  
<http://tec.tnu.edu.vn>.

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo:  
<http://tec.tnu.edu.vn>.

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo: <http://tec.tnu.edu.vn>.

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của đơn vị đào tạo trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo:  
<http://tec.tnu.edu.vn>.

## **II. Tuyển sinh cao đẳng chính quy**

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

**\* Hệ cao đẳng:**

- Tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT
- Có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và hoàn thành chương trình THPT/chương trình văn hóa bắt buộc theo qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

**\* Hệ cao đẳng liên thông:** Tốt nghiệp hệ trung cấp.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển (miễn phí xét tuyển)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

STT	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành	Chỉ tiêu			Ghi chú
			Theo điểm thi THPT QG	Theo học bạ THPT	Theo phương thức khác	
<b>I.</b>	<b>Khối Khoa học Cơ bản</b>			<b>150</b>		
1	Tiếng Anh	6220206		30		
2	Tiếng Hàn Quốc	6220211		120		
<b>II.</b>	<b>Khối Kinh tế &amp; Quản trị kinh doanh</b>			<b>80</b>		
1	Kế toán	6340301		20		
2	Kế toán doanh nghiệp	6340302		20		
3	Quản trị kinh doanh	6340114		20		
4	Tài chính - ngân hàng	6340202		0		
5	Quản trị bán hàng	6340119		20		
<b>III.</b>	<b>Khối Kỹ thuật Nông - Lâm</b>			<b>130</b>		
1	Quản lý đất đai	6850102		40		
2	Thú y	6640203		50		

STT	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành	Chỉ tiêu			Ghi chú
			Theo điểm thi THPT QG	Theo học bạ THPT	Theo phương thức khác	
3	Khoa học cây trồng	6620108		40		
4	Trồng cây ăn quả	6620114		0		
5	Bảo vệ thực vật	6620116		0		
6	Đo đạc địa chính	6510909		0		
<b>IV.</b>	<b>Khối Điện</b>			<b>310</b>		
1	Điện tử công nghiệp	6520225		60		
2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205		60		
3	Điện Công nghiệp	6520227		50		
4	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	6510303		140		
<b>V.</b>	<b>Khối Công nghệ Ô tô</b>			<b>50</b>		
1	Công nghệ Ô tô	6510216		50		

STT	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành	Chỉ tiêu			Ghi chú
			Theo điểm thi THPT QG	Theo học bạ THPT	Theo phương thức khác	
<b>VI.</b>	<b>Khối Cơ khí</b>			<b>70</b>		
1	Cắt gọt kim loại	6520121		20		
2	Nguội sửa chữa máy công cụ	6520126		0		
3	Hàn	6520123		20		
4	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	6510201		30		
<b>VII.</b>	<b>Khối Công nghệ thông tin</b>			<b>110</b>		
1	Công nghệ thông tin	6480201		30		
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102		30		
3	Tin học văn phòng	6480204		50		
	<b>Tổng</b>			<b>900</b>		



### 1.5. Ngưỡng đầu vào.

\* **Hệ cao đẳng:**

- Tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT.

- Có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và hoàn thành chương trình THPT/chương trình văn hóa bắt buộc theo qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Hạnh kiểm từ trung bình trở lên.

\* **Hệ cao đẳng liên thông:** Tốt nghiệp hệ trung cấp.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Nhà trường tham khảo tại trang thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://tec.tnu.edu.vn>

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

- Thời gian xét tuyển: Từ 01/04/2022 đến 31/10/2022

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện theo địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và đào tạo theo nhu cầu xã hội, Tổ 8, phường Thịnh Đán, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (SĐT: 0280 3842 656).

- Các điều kiện xét tuyển:

+ Căn cứ vào Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành, nghề phù hợp.

+ Mẫu phiếu đăng ký dự tuyển do Nhà trường phát hành và đăng tải trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ:

<http://tec.tnu.edu.vn>.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Chính sách ưu tiên được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.



1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Miễn phí xét tuyển

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí.

- Học phí hệ Cao đẳng và Trung cấp năm học 2023 - 2024: 985.000đ/ tháng

- Lộ trình tăng học phí theo mức đã quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

Đợt 1: Từ 01/02/2023 - 15/08/2023

Đợt 2: Từ 16/08/2023 - 31/10/2023 ( đối với các ngành còn thiếu chỉ tiêu)

**Cán bộ kê khai**

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ E-mail)

Nông Thị Hiền

Số điện thoại: 0335 879 849

E-mail: thanhhien05091988@gmail.com

Ngày...17...tháng...02...năm 2023



**TS. Ngô Xuân Hoàng**